

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/DS-ST
Ngày: 12 – 9 – 2023.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Ông Lê Quang Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc “*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2023/QĐXXST-DS ngày 07/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2023/QĐST-DS ngày 22/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH VTPL;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Ngoan; Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: số xx, Đ BP, tổ XX, khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đ;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh Tr, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: số xx, Đ BP, tổ XX, khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đ;

Bị đơn:

1/ Ông Phạm Đức Q, sinh năm 1990;

2/ Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Số XX, Tt C, tổ YXZ, khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đ.

(Ông Tr có mặt, ông Q, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Hồ Thanh Trg trình bày:

Ngày 01/11/2019, ông Phạm Đức Q và và Nguyễn Thị Cẩm T có ký hợp đồng số NC00730/HĐTC – CC ngày 01/11/2019 với Công ty TNHH VTPL để vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày (từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/01/2020), lãi suất thỏa Tận trong hạn 1,57% tháng, lãi suất quá hạn 2,16%/ tháng, phương thức trả nợ là trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày, tiền góp mỗi ngày là 369.000 đồng.

Khi vay, ông Q và bà T có cầm cố tài sản là xe nhãn hiệu WAVE, biển số: 66P1-488.34, theo hợp đồng số NC00730/HĐTC – CC ngày 01/11/2019 nêu trên. Tuy nhiên, nguyên đơn đã cho ông Q , bà T mượn lại xe để làm phương tiện đi lại và có lập biên bản thỏa Tận gửi giữ tài sản cầm cố.

Thực hiện hợp đồng vay, ông Q và bà T đã trả góp được 10 ngày (từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 11/11/2019) với số tiền là 369.000đ x 10 ngày = 3.690.000 đồng. Đến hạn hợp đồng, ông Q , bà T còn nợ lại tiền góp 80 ngày x 369.000 đồng/ngày = 29.520.000 đồng. Từ ngày 12/11/2019 đến hết ngày 14/10/2020 ông Q , bà T có trả được 5.420.000đồng, còn nợ lại 24.100.000đồng.

Ngày 31/10/2020, ông Q , bà T có bán chiếc xe Wave để trả cho Công ty TNHH VTPL số tiền vốn 10.000.000đồng, còn nợ lại là 14.100.000đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 01/11/2020.

Không yêu cầu giải quyết, xử lý đối với tài sản cầm cố do bị đơn đã bán để trả nợ vào ngày 31/10/2020.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Hồ Thanh Tr yêu cầu bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH VTPL số tiền vốn là 14.100.000đồng và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 12/9/2023 số tiền là 8.160.892đồng (lãi suất 1,66%/tháng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi ông Q , bà T thanh toán xong nợ cho Công ty TNHH VTPL.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q , bà T nhưng tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án ông Q , bà T vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Công ty TNHH VTPL và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn, ông Phạm Đức Q , bà Nguyễn Thị Cẩm T có nơi cư trú tại phường Mỹ Phú, thành phố C nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Đức Q , bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 01/11/2019, Công Ty TNHH VTPL và ông Phạm Đức Q , bà Nguyễn Thị Cẩm T ký kết hợp đồng thế chấp kiêm hợp đồng cầm cố số NC00730/HĐTC – CC, theo đó, Công Ty TNHH VTPL cho ông Q và bà T vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày (từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/01/2020), lãi suất trong hạn 1,57% tháng, lãi suất quá hạn 2,16%/ tháng, phương thức trả nợ là trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày, tiền góp mỗi ngày là 369.000 đồng. Hợp đồng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa Tận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q , bà T đã trả góp được 10 ngày (từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 11/11/2019) với số tiền là 369.000đ x 10 ngày = 3.690.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Q , bà T còn nợ 29.520.000 đồng. Từ ngày 12/11/2019 đến hết ngày 14/10/2020 ông Q , bà T có trả được số tiền là 5.420.000đồng, còn nợ lại 24.100.000đồng.

Ngày 31/10/2020, ông Q , bà T có bán chiếc xe Wave để trả cho công ty số tiền vốn là 10.000.000đồng. Còn nợ lại là 14.100.000đồng, cũng từ ngày 31/10/2020 ông Q và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho Công ty TNHH VTPL là vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, Công ty TNHH VTPL yêu cầu ông Q và bà T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn lại là 14.100.000đồng cho Công ty TNHH VTPL là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Xét yêu cầu của Công ty TNHH VTPL yêu cầu ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị Cẩm T trả tiền lãi của số tiền 14.100.000đồng theo mức suất theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 12/9/2023 là 1.046 ngày, thành tiền là 8.160.892 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi tiếp theo kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Q , bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp kiêm hợp đồng cầm cố số NC00730/HĐTC – CC ngày 01/11/2019, các bên thỏa Tận lãi suất quá hạn 2,16%/ tháng. Bị đơn ông Q

và bà T đã vi phạm thời hạn thực hiện thanh toán lãi suất theo thỏa Thuận, tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh và yêu cầu mức lãi suất quá hạn là 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 12/9/2023 là 1.046 ngày, thành tiền là 8.160.892 đồng. Xét thấy yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về giải quyết hợp đồng cầm cố và xử lý tài sản cầm cố: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Q, bà T phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH VTPL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH VTPL về việc yêu cầu ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH VTPL tiền vốn là 14.100.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 12/9/2023 là 8.160.892đồng. Tổng số tiền là 22.260.892đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Buộc ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH VTPL số tiền vốn là 14.100.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 12/9/2023 là 8.160.892đồng. Tổng số tiền là 22.260.892đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

2. Ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày 13/9/2023 cho đến khi

ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị Cẩm T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợm cho Công ty TNHH VTPL.

3. Về giải quyết hợp đồng cầm cố và xử lý tài sản cầm cố: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải liên đới nộp 1.113.049 đồng (Một triệu một trăm mười ba nghìn không trăm bốn mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH VTPL không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 580.000đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012389 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Tòa án ND Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như